

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 276/2024/DS-ST

Ngày: 09/12/2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 746/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1938/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 787-789 đường Phạm Văn Thuận, KP.5, P. T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang Đ – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S – CN Đồng Nai kiêm Trưởng phòng Giao dịch Biên Hòa.

Ông Đức ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn Đ1; Địa chỉ: 787-789 đường Phạm Văn Thuận, KP.5, P. Tam Hiện, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Thái Đức T, sinh năm 1998

Địa chỉ: G1, tổ 7, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Ngày 16/03/2023, ông Thái Đức T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 45.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 09/12/2024, ông T còn nợ các khoản sau:

- + Nợ gốc : 35.000.000 đồng
- + Lãi quá hạn : 23.871.975 đồng
- + Tổng cộng : 58.871.975 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi một ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng)

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 58.871.975 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi một ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Ông Thái Đức T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thái Đức T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thái Đức T không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Thái Đức T (có địa chỉ cư trú tại thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) trả ngay cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2023 nên xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Thái Đức T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và ông Thái Đức T được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401,402,405 của bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thái Đức T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bị đơn đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, ông T không có mặt, không gửi văn bản ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T. Ngày 25/3/2023, ông T đã thực hiện giao dịch vay số tiền 45.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán được cho Ngân hàng 10.797.694 đồng, từ ngày 25/8/2023, ông T không thực hiện thanh toán gốc, lãi phát sinh cho Ngân hàng. Qua nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, căn cứ Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Thái Đức T trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 58.871.975 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 35.000.000 đồng, lãi quá hạn và phí 23.871.975 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày

10/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 160323-03 ngày 16/03/2023.

[3]. Về án phí: Ông Thái Đức T phải nộp số tiền án phí sơ thẩm 2.943.598 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm chín mươi tám đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Thái Đức T về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Thái Đức T trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 58.871.975 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 35.000.000 đồng, lãi quá hạn và phí 23.871.975 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 10/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 160323-03 ngày 16/3/2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

2. Về án phí: Ông Thái Đức T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.943.598 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm chín mươi tám đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.024.575 đồng (Một triệu không trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004599 ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quỳnh